

Bản án số: 60/2025/HSST
Ngày: 02 tháng 04 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Quỳnh C**;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Đức A** – Bí thư Đoàn TNCS
Hồ Chí Minh – Phường C
Bà **Nguyễn Thị T**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Doãn Khắc Huy H**, Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị D** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 04 năm 2025, Tòa án nhân dân quận B tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2025/HSST ngày 03 tháng 03 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A D**, *Sinh ngày* 25 tháng 9 năm 2008 (16 tuổi 05 ngày)

Tên gọi khác: Không; *Giới tính:* Nam

Nơi thường trú: xã L, huyện M, tỉnh Y

Quốc tịch: Việt Nam *Dân tộc:* Mông *Tôn giáo:* Không

Trình độ văn hoá: 6/12; *Nghề nghiệp:* Lao động tự do

Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không

Họ và tên bố: Giàng A T, *Sinh năm:* 1986

Họ và tên mẹ: Cừ Thị S, *Sinh năm:* 1985

Cùng trú tại: xã L, huyện M, tỉnh Y

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

Anh **Ngô Anh T**, sinh năm: 2000; Nơi thường trú: Khu X xã Đ, huyện H, tỉnh P

(Vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông **Bạch Ngọc K**, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại phiên tòa).

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo:**

Ông **Giàng A T**, sinh năm 1986
Nơi thường trú: xã L, huyện M, tỉnh Y.

(Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 30/9/2024, Giàng A D đi làm phụ xây cho công trình xây dựng tại số nhà A ngách B ngõ C V, tổ dân phố D, phường M, quận B, Hà Nội. Đến khoảng 14 giờ chiều cùng ngày, D từ tầng tum xuống tầng 1 để làm việc và phát hiện chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ xám đen, biển kiểm soát 19 X1 – 9xxx của anh Ngô Anh T (SN: 2000, HKTT: xã Đ, huyện H, tỉnh P) là thợ xây làm cùng để ở tầng 1 vẫn cắm chìa khóa ở xe, không có người trông giữ nên D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản với mục đích sử dụng làm phương tiện đi lại. D tiến gần lại chiếc xe của anh T, kiểm tra bình xăng rồi dắt xe ra ngoài cổng và nổ máy xe điều khiển đi lang thang ở Hà Nội. Sau đó, đến chiều ngày 02/10/2024, D điều khiển chiếc xe máy trên đi đến đoạn cuối đường V, phường M, quận B, Hà Nội thì bị ngã xe. Sau đó, Công an phường M đã đưa D về trụ sở để đầu tranh làm rõ. Quá trình làm việc, D khai đã trộm cắp chiếc xe máy trên của anh Ngô Anh T như đã nêu ở trên.

Sau khi phát hiện bị mất chiếc xe máy biển kiểm soát 19X1 – 9xxx của anh Ngô Anh T đã đến Công an phường M – Công an quận B trình báo.

Công an phường M qua rà soát camera đã thu được đoạn video Giàng A D trộm cắp xe máy của anh Ngô Anh T tại số nhà A ngách B ngõ C V, tổ dân phố D, phường M, quận B Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra, Giàng A D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Giàng A D: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đen – đỏ - xám mang Biển kiểm soát 19X1 – 9xxx đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 922 ngày 18/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Bắc Từ Liêm kết luận: ***01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 19X1 – 9xxx, đăng ký năm 2010, màu đỏ xám đen, xe đã qua sử dụng, đã thu giữ được tài sản trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).***

Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu đỏ xám đen, BKS: 19X1 – 9xxx, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh xác định chủ sở hữu chiếc xe máy trên là của ông Ngô Trọng L (SN: 1975, HKTT: xã Đ, huyện H, tỉnh P) là bố đẻ của anh Ngô Anh T nên ngày 21/02/2025 cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 547, trả lại chiếc xe máy trên cho ông L.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Anh T không yêu cầu bồi thường, đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 42/CT-VKS BTL ngày 25/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Giàng A D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Giàng A D thành khẩn khai báo các tình tiết vụ án, thừa nhận bản cáo trạng truy tố là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo:

Khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội danh, khung hình phạt và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Giàng A D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Giàng A D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 và Điều 65, Điều 91 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo: Giàng A D mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Không.

- Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo phát biểu: Đồng ý với tội danh và khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát bởi: bị cáo Giàng A D là người chưa thành niên và là người dân tộc thiểu số sống trong khu vực miền núi đặc biệt khó khăn, bị cáo là con thứ hai trong gia đình hoàn cảnh có bố mẹ làm ruộng. Ngoài ra bị cáo mới học hết lớp 6 nên chưa có nhận thức đầy đủ, tâm sinh lý chưa phát triển nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được mức án cải tạo không giam giữ, tạo điều kiện để bị cáo tu dưỡng, phát triển bình thường không ảnh hưởng về tâm lý.*

Lời nói sau cùng của bị cáo bày tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, mong muốn được Tòa án xét giảm ở mức độ nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của bị cáo và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận B, TP Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận B, TP Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ, rõ ràng về các hành vi đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai chính của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 30/9/2024, Giàng A D có hành vi trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen đỏ xám, biển kiểm soát 19X1 – 9xxx trị giá 3.000.000 đồng của anh Ngô Anh T tại số nhà A ngách B ngõ C V, tổ dân phố D, phường M, quận B Hà Nội. Hiện, chiếc xe đã được thu hồi và trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tổng trị giá tài sản Giàng A D trộm cắp là 3.000.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 3.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó, bản cáo trạng số: 42/CT-VKSRTL ngày 25/02/2025 Viện kiểm sát nhân dân quận B quyết định truy tố bị cáo Giàng A D về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người chưa thành niên, trình độ văn hóa và hiểu biết pháp luật kém nên đã vi phạm quy định của pháp luật, chiếm đoạt tài sản của người khác, gây mất trật tự an xã hội tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò, tính chất mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn, hối cải về hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo là trẻ vị thành niên, có nhân thân tốt, thuộc dân tộc thiểu số, lần đầu bị đưa ra xét xử và phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên nhân, điều kiện, động cơ, mục đích phạm tội, nhân thân, Hội đồng xét xử thấy: Áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục và răn đe bị cáo trở thành công dân có ích cho Xã hội.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo là người chưa thành niên, dân tộc thiểu số, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Bị hại không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng: Hội đồng xét xử chấp nhận về việc xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo là người dân tộc thiểu số nên không phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Giàng A D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51, và Điều 36, Điều 91 của Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt* bị cáo **Giàng A D**: 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm chấp hành án phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Giàng A D** cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Y giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người chịu hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian chịu hình phạt, nếu người chịu hình phạt cải tạo không giam giữ đã bị kiểm điểm nhưng tiếp tục cố ý không chấp hành nghĩa vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì người có thẩm quyền có thể xử phạt vi phạm hành chính hoặc xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. *Áp dụng*

Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2.2. Về trách nhiệm dân sự: Không

2.3. Về án phí:

Buộc bị cáo Giảng A D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND Q. B;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. B;
- Lưu HS – VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Quỳnh C